

Phụ lục số 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SEASPIMEX VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 42/21/BC/TDS/HĐQT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 7 năm 2020.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Số điện thoại: (028) 37608215
- Số fax: (028) 37608213
- Website: www.seaspimex.com.vn
- Email: info@seaspimex.vnn.vn
- Mã cổ phiếu: SPV

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tóm tắt lịch sử và hình thành và phát triển của Công ty:

Cách đây 37 năm, ngày 01-09-1983, Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM - được hình thành trên cơ sở tách P.Kinh Doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – SEAPRODEX VIET NAM – đánh dấu một bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.

Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM đã góp một phần không nhỏ cho ngành vào công cuộc đổi mới đất nước. Với sự lớn mạnh của mình, Công ty XNK Thủy Đặc Sản được nhà nước tặng huân chương: “*Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ngày

11/01/2002 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM chính thức được thành lập.

Tiếp tục trong 18 năm Cổ phần hóa, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do hoạch định những chiến lược sản xuất – kinh doanh đúng hướng nên việc các công ty thành viên ra đời là một hệ quả tất yếu.

Cụ thể, ngày 01/09/2008 Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm.

Song song với việc phát triển bền vững đó, ngày 01/01/2011 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: LOGO, CÁC ÁN PHẨM VĂN PHÒNG, TRANG WEB, BAO BÌ CHO TOÀN BỘ SẢN PHẨM

Với sự đầu tư đúng mức, hơn 30 năm kinh nghiệm trên thị trường thế giới và thị trường nội địa, chắc chắn Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM sẽ đạt được những thành công vượt bậc về cung cấp hàng hóa chất lượng, dịch vụ kịp thời, nhanh chóng, tiện ích.

- Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết, chỉ đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Buôn bán thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở)	4632
2	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, ươm cá giống (không hoạt động tại trụ sở)	0322
3	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
4	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Dịch vụ bảo quản rau quả và thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1030
5	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Lắp ráp xe gắn máy	4542
6	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán mô tô, xe máy	4541
7	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020 (Chính)
8	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nông phẩm, thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1079
9	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và SX nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở)	3530
10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh thủy hải sản, thức ăn nuôi thủy sản và gia súc, gia cầm; Mua bán nông lâm thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)	4620

STT	Tên ngành	Mã ngành
11	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)	4633
12	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình. Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.	4649
13	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí (trừ mua bán vàng miếng)	4662
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ nhà hàng-khách sạn	4659
15	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet	6209
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại	4543
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
18	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính	4651
19	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)	5510
20	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống	5610
21	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô	4511
22	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông	6190
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh	6810
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước đá	8299
25	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hoạt động sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
26	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.Hồ Chí Minh)	4722
27	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
28	Đào tạo Cao Đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533

STT	Tên ngành	Mã ngành
29	Đào tạo Đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8541
30	Đào tạo Thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở)	8542
31	Đào tạo Tiến sĩ (không hoạt động tại trụ sở)	8543
32	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
33	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (không lưu trú bệnh nhân)	8620
34	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy vi tính	8559
35	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á ... và thị trường nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:
 - Ông Huỳnh An Trung Chủ tịch
 - Ông Bùi Tuấn Ngọc Thành viên
 - Ông Trần Phước Thái Thành viên
 - Ông Diệp Nam Hải Thành viên (Bỏ nhiệm TV HĐQT từ ngày 12/6/2020)
 - Ông Đặng Thành Trung Thành viên (Bỏ nhiệm TV HĐQT từ ngày 12/6/2020)
 - Ông Lê Công Đức Thành viên (Miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 12/6/2020)
 - Ông Cao Thanh Định Thành viên (Miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 12/6/2020)
- Ban Điều hành Công ty gồm 03 thành viên:
 - Ông Đặng Thành Trung Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm TGD từ ngày 01/4/2020)
 - Ông Nguyễn Minh Thi Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm PTGD từ ngày 01/6/2020)
 - Ông Trương Minh Thông Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm KTT từ ngày 01/3/2020)
 - Ông Lê Công Đức Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm TGD từ ngày 01/4/2020)
 - Bà Đặng Thị Ngọc Bích Kế toán trưởng (Miễn nhiệm KTT từ ngày 01/3/2020)

- Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (028) 37608215
Fax : (028) 37608213
Khuôn viên : 30.000m²
Công suất : 15.000 tấn/ năm

Bao gồm các phòng ban và các phân xưởng sau đây:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu sản phẩm;
- Phòng Kho vận;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá hồi, Phân xưởng Đồ hộp, Phân xưởng Súc sản, Phân xưởng Đông lạnh.

- **Các công ty con, chi nhánh:**

- **Seaspimex Bến Tre:**

NHÀ MÁY ĐÔNG LẠNH BA TRI (BTF)

Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Khuôn viên: 5.000m²

Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùi ếch...

- **Seaspimex Hà Nội:**

Địa chỉ : 101 TT Bộ Thủy Sản, Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan,
Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

Fax : 024. 37719431

Là đơn vị thay mặt công ty Seaspimex, các nhà máy chế biến ... quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ TP.Vinh trở ra Bắc.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV.

Đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng cách cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn nhưng học giỏi. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

5. Các rủi ro:

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt trong khi Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn lưu động ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang bị thiếu hụt nghiêm trọng và hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trên thị trường xuất khẩu lẫn Nội địa;
- Máy móc thiết bị cũ công suất thấp chi phí sửa chữa vận hành cao, khó tuyển dụng công nhân trực tiếp sản xuất;
- Nguồn nguyên liệu thủy hải sản ngày càng khan hiếm dẫn đến giá thành tăng làm tỷ suất lợi nhuận giảm; trong năm do tình hình Covid-19 tại Mỹ diễn biến phức tạp khiến 4

khách hàng Ghẹ lon cao cấp ngưng hẳn việc mua hàng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc SXKD của mặt hàng Ghẹ lon XK gây sụt giảm lợi nhuận so với các năm trước;

- Tình hình tài chính của Công ty vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng tiếp tục xuống cấp hư hỏng, thường xuyên sửa chữa duy trì. Cơ quan chức năng giảm sản lượng khai thác nguồn nước cấp, kiểm tra chặt xử lý nước thải, khói thải... đã gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó việc hạn chế tải trọng đường dẫn vào công ty làm hạn chế lưu thông hàng hóa ra vào Công ty;
- Lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, đa số công nhân mới tuyển dụng có tay nghề thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các giải pháp thu hút lao động, cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí và tăng sản lượng;
- Bộ máy tổ chức Công ty ổn định, lực lượng lao động gián tiếp được tổ chức tinh gọn, tập thể CBCNV đoàn kết cùng hướng đến mục tiêu SXKD của Công ty.
- **Các chỉ tiêu thực hiện năm 2020:**

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	368,24	343,30	334,30	97,38	90,80
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	11,90	11,30	10,40	92,04	80,60
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.342,60	2.639,60	1.976,30	74,87	84,40
3. Gia công	Tấn	2.875,90	3.240,70	3.070,40	94,74	106,80
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	6,03	15,50	13,50	87,09	223,88
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	102,56	142,60	37,10	26,19	28,20
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	4,00	4,20	1,10	26,02	36,20
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	719,90	680,00	602,70	88,6	83,70
3. Lợi nhuận	Tỷ đồng	3,79	1,50	-3,27		
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	12,30	13,50	13,30	98,52	108,10
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,83	1,00	1,41	141,00	169,87
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng Nhà máy và các Chi nhánh)						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	483,10	499,40	384,70	77,03	79,60
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	15,90	15,50	11,50	74,19	72,32
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.062,50	3.319,60	2.579,00	77,70	84,20
3. Sản lượng gia công	Tấn	2.875,90	3.240,70	3.070,40	94,74	106,80
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	10,65	18,00	11,64	64,67	109,30

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong BDH)

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Đặng Thành Trung	Nam	16/02/1979	Kỹ sư Điện Điện tử	03/5/2019	TGD	0,00
2	Nguyễn Minh Thi	Nam	25/01/1982	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	01/6/2020	PTGD	0,00
3	Trương Minh Thông	Nam	23/11/1981	Cử nhân Kinh tế	01/02/2020	KTT	0,00

- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2020:

Ngày 01/3/2020: Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Đặng Thị Ngọc Bích. Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Trương Minh Thông.

Ngày 01/4/2020: Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Lê Công Đức. Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Đặng Thành Trung.

Ngày 01/6/2020: Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Minh Thi.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2020: 800 LĐ

Thu nhập BQ của người lao động/tháng: 6.000.000 đồng

- Các chính sách đối với người lao động:

Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 6,0 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty. Hỗ trợ xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CN ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty. Tặng quà sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho CB.CNV

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a. Các khoản đầu tư lớn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư
1	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	VNĐ	0
2	Đầu tư dài hạn khác	VNĐ	1.116.230.738
Tổng cộng		VNĐ	1.116.230.738

- b. Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): không có

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	367,933	342,035	(7,0)
Doanh thu thuần	478,752	379,331	(20,7)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12,262	12,766	4,1
Lợi nhuận khác	(1,611)	(1,124)	-
Lợi nhuận trước thuế	10,650	11,642	9,3
Lợi nhuận sau thuế	8,204	8,533	4,0
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	646	672	4,0

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.95	1.01	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.48	0.39	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.63	0.59	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.67	1.46	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4.11	2.76	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.30	1.11	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.71%	2.25%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	5.96%	6.14%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2.23%	2.49%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.56%	3.37%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần

(Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến hết ngày 07/12/2020 (Danh sách do VSD cung cấp) Công ty có 427 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00
2	Cổ đông Tổ chức	5	6.658.890	61,66
3	Cổ đông là thành viên HĐQT	1	278.890	2,58
4	Cổ đông Nước ngoài	11	280.600	2,60
5	Cổ đông cá nhân	410	3.581.620	33,16
TỔNG CỘNG		427	10.800.000	100,00
Trong đó: Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)		3	6.168.230	57,11

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.
d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.
e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Cty năm 2020:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2020:

Nhà máy Bình Chánh : 3.292.035 kg

CN XN thủy sản Ba Tri : 654.858 kg

Tổng cộng : 3.946.893 kg

- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Điện	KWk	7.488.979	1.133.487	8.622.466
2	Xăng	Lít	0	6.112	6.112
3	Dầu DO	Lít	3.640	10.234	13.874
4	Dầu hỏa	Lít	0	0	0
5	Củi thanh cây	Kg	1.711.975	0	1.711.975

- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả
c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

STT	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Thủy cục	m ³	774	997	1.771
2	Khai thác nước ngầm	m ³	102.892	42.720	145.612

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2020: 800 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 6.000.000 đồng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLĐ:

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CN ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại NV.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

a. Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2020 gặp nhiều khó khăn mặc dù Công ty vẫn nỗ lực thay đổi linh hoạt về phương thức thanh toán, gia hạn công nợ, giảm giá nhằm duy trì các thị trường và nhóm khách hàng truyền thống, nỗ lực cạnh tranh với các đối thủ trong nước, ngoài nước. Ngành hàng cá ngừ xuất khẩu vẫn duy trì ở mức giá thấp, giá nguyên liệu biến động liên tục trong năm;

8530
3 TY
HÀN
ẶC SẢ
HỒ

- Đối với thị trường Châu Âu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do hàng xuất khẩu của Việt Nam vẫn bị cảnh cáo thẻ vàng, do đó cơ quan quản lý các vùng nguyên liệu siết chặt việc kiểm tra khai báo nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt. Công ty cũng đang xây dựng bộ Quy chuẩn xuất khẩu để hướng đến đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường Châu Âu và Mỹ;
- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng khác cũng gặp nhiều khó khăn như: ghe sục giảm do ảnh hưởng dịch bệnh; giá nguyên liệu bạch tuộc duy trì ở mức cao do sản lượng đánh bắt giảm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh. Năm 2020 thị trường đòi hỏi tương đối ổn định đầu vào và đầu ra;
- Sản lượng và giá trị tồn kho của Chi nhánh Ba Tri khá cao đặc biệt là tồn kho Bạch tuộc từ quý 3/2019 vẫn chưa bán được do không phù hợp nhu cầu khách hàng.

b. Về gia công:

- Hoạt động gia công vẫn duy trì bình thường tuy nhiên cũng gặp phải các khó khăn do việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất của khách hàng, yêu cầu việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ hơn, chuyển đổi sang các mặt hàng tiêu dùng giá trị gia tăng cao;
- Với nỗ lực cao của các CNV trực tiếp, đội ngũ quản lý Công ty tiếp tục được tin nhiệm của các đối tác gia công trong và ngoài nước truyền thống;
- Điều chỉnh tăng giá gia công từ tháng 8/2020 cho các khách hàng Nội địa lên hơn 15% góp phần tăng hiệu quả Lợi nhuận cho hoạt động gia công Nội địa.

c. Kinh doanh nội địa:

- Phòng Kinh doanh nội địa bổ nhiệm Giám Đốc Kinh Doanh tổ chức tinh gọn phù hợp nhiệm vụ kinh doanh được giao, tiết giảm chi phí trong lưu thông, đa dạng hóa sản phẩm mở rộng các kênh phân phối;
- Duy trì các sản phẩm chủ lực: cá xốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp, xúc xích tiết trùng;
- Đẩy mạnh việc hợp với kênh phân phối Cholimexfood góp phần tăng doanh thu trên 5 tỷ đồng trong năm 2020;
- Xây dựng mối quan hệ đối tác với toàn bộ các siêu thị lớn. Tăng mật độ phủ hàng hóa của Công ty trên thị trường thông qua các kênh bán hàng tại các khu vực.

Năm 2020 Công ty gặp rất nhiều khó khăn, Ban Điều hành đã kịp thời điều chỉnh phương án kinh doanh, tìm các giải pháp tăng trưởng, tiết giảm chi phí sản xuất.

1.2 Tình hình hoạt động của các đơn vị:

a. Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2020, tình hình giá nguyên liệu cho 2 mặt hàng chủ lực: ghe, cá ngừ luôn luôn biến động, Công ty chủ động điều tiết việc cung cấp phù hợp với nhu cầu SXKD của Công ty;
- Khai thác bền vững các thị trường truyền thống, tạo mối quan hệ chặt chẽ với nhóm khách hàng lâu năm;
- Tiếp tục củng cố hợp tác gia công với các khách hàng nước ngoài, liên tục tìm kiếm cơ hội hợp tác và các khách hàng mới để đa dạng các ngành hàng.
- Tổng sản lượng: 5.046,7 tấn. Trong đó:
 - Sản lượng sản xuất: 1.976,3 tấn.
 - Sản lượng gia công: 3.070,4 tấn.



- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:
 - Doanh thu toàn Nhà máy: 334,3 tỷ đồng.
 - Doanh số xuất khẩu: 10,4 triệu USD.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 13,5 tỷ đồng.
 - b. Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:**
 - Năm 2020 Chi nhánh Ba Tri gặp rất nhiều khó khăn do tình hình dịch và biến động giá đầu vào đặc biệt là giá Bạch tuộc.
 - Sản lượng sản xuất: 602,7 tấn.
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:
 - Doanh số xuất khẩu: 1,1 triệu USD.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: -3,27 tỷ đồng.
 - c. Chi nhánh Hà Nội:**
 - Hoạt động theo mô hình giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
 - Kết quả kinh doanh năm 2020:
 - Doanh thu thực hiện: 13,3 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 1,41 tỷ đồng.
- Kết quả thực hiện năm 2020:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	368,24	343,30	334,30	97,38	90,80
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	11,90	11,30	10,40	92,04	80,60
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.342,60	2.639,60	1.976,30	74,87	84,40
3. Gia công	Tấn	2.875,90	3.240,70	3.070,40	94,74	106,80
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	6,03	15,50	13,50	87,09	223,88
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	102,56	142,60	37,10	26,19	28,20
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	4,00	4,20	1,10	26,02	36,20
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	719,90	680,00	602,70	88,6	83,70
3. Lợi nhuận	Tỷ đồng	3,79	1,50	-3,27		
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	12,30	13,50	13,30	98,52	108,10
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,83	1,00	1,41	141,00	169,87
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng Nhà máy và các Chi nhánh)						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	483,10	499,40	384,70	77,03	79,60
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	15,90	15,50	11,50	74,19	72,32
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.062,50	3.319,60	2.579,00	77,70	84,20
3. Sản lượng gia công	Tấn	2.875,90	3.240,70	3.070,40	94,74	106,80
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	10,65	18,00	11,64	64,67	109,30

2. Tình hình tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		203,597,078,482	219,699,364,909
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	36,984,619,388	63,510,865,339
111	1. Tiền		36,984,619,388	63,510,865,339
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37,077,845,971	42,089,266,056
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	39,609,297,829	54,516,163,183
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	11,007,738,732	1,290,428,167
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	5,536,721,093	5,376,839,873
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(19,075,911,683)	(19,094,165,167)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	123,698,532,082	108,186,621,989
141	1. Hàng tồn kho		123,698,532,082	108,291,003,069
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(104,381,080)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5,836,081,041	5,912,611,525
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	330,508,581	245,343,972
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5,443,020,979	5,667,267,553
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		62,551,481	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		138,437,576,812	148,233,445,437
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		300,000,000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		300,000,000	-
220	II. Tài sản cố định		134,190,084,585	146,466,917,461
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	113,926,855,065	125,532,432,661
222	- Nguyên giá		245,341,170,349	250,062,822,048
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(131,414,315,284)	(124,530,389,387)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	20,263,229,520	20,934,484,800
228	- Nguyên giá		26,330,568,000	26,330,568,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,067,338,480)	(5,396,083,200)
230	III. Bất động sản đầu tư			

240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		353,075,273	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	353,075,273	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	1,116,230,738	116,230,738
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,116,230,738	116,230,738
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2,478,186,216	1,650,297,238
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	2,478,186,216	1,650,297,238
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		342,034,655,294	367,932,810,346

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		203,094,669,183	230,367,461,532
310	I. Nợ ngắn hạn		202,060,669,183	230,367,461,532
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	40,699,259,603	49,490,242,931
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	5,816,466,779	2,763,277,802
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	3,027,435,112	2,933,521,479
314	4. Phải trả người lao động		15,823,657,759	17,183,424,470
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	1,398,687,410	3,887,271,654
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	2,461,445,657	1,798,420,523
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	131,877,762,350	151,613,548,160
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		955,954,513	697,754,513
330	II. Nợ dài hạn		1,034,000,000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.16b	1,034,000,000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		138,939,986,111	137,565,348,814
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	138,939,986,111	137,565,348,814
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		108,000,000,000	108,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		108,000,000,000	108,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		10,800,000,000	10,800,000,000

415	3.	Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển	8,446,988,961	8,446,988,961
420	5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11,692,997,150	10,318,359,853
421a		- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	3,688,159,853	2,114,370,817
421b		- LNST chưa phân phối kỳ này	8,004,837,297	8,203,989,036
430	II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	342,034,655,294	367,932,810,346

a. Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): không biến động.

b. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không biến động.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí.
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.
- Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.
- Nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất và thay thế lao động thủ công.
- Tìm giải pháp và xây dựng kế hoạch để thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu gia tăng sản xuất của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển tương lai:

4.1 Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Chất lượng các sản phẩm hàng hóa được duy trì ổn định khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao, không có bất kỳ khiếu nại cũng như sự cố làm ảnh hưởng uy tín, mối quan hệ hợp tác của các bên;
- Hoạt động gia công tiếp tục được các nhóm khách hàng tin cậy, công tác quản lý chất lượng luôn luôn được cải tiến, nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài, cơ hội mở rộng thêm các khách hàng tiềm năng hợp tác ủy thác gia công;
- Thị trường xuất khẩu và nội địa các sản phẩm đóng hộp giữ vững và tiếp tục khai thác, đẩy mạnh phát triển các mặt hàng mới đa dạng hóa sản phẩm;
- Bộ máy quản lý tiếp tục được củng cố, tập thể CNV đoàn kết gắn bó với Công ty.

b. Khó khăn:

- Tình hình nguyên liệu thủy sản như Bạch tuộc và gẹ khan hiếm nên giá cao nhưng giá XK không thể tăng dẫn đến XN Ba Tri tiếp tục gặp khó khăn lớn. Trong năm 2020, do



ảnh hưởng của Covid-19 khiến khách hàng giảm mua hàng và khắc phục khoản thuế TNDN từ năm 2016- 2019 đã dẫn đến XN bị lỗ hơn 3 tỷ đồng. Tính đến hết quý 1/2021 XN Ba Tri vẫn còn tiếp tục gặp khó khăn tương tự khi phần lớn khách hàng Nhật, Mỹ và Châu Âu chưa đặt hàng trở lại;

- Khó tuyển dụng lao động phổ thông, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề;
- Nguồn vốn đối ứng cho sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc vào nguồn vốn vay;
- Cơ sở hạ tầng, công trình phụ trợ xuống cấp làm gia tăng chi phí bảo trì bảo dưỡng, khó đáp ứng kịp gia tăng sản xuất;
- Tình hình dịch bệnh do virus Corona tiếp tục diễn ra phức tạp, chắc chắn sẽ gây tác động tiêu cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Từ đầu năm 2021, hầu hết các nguyên liệu chính như cá ngừ, bạch tuộc, ghẹ đều tăng 10%, vật tư bao bì tăng từ 5-10%, riêng phụ liệu ngành hàng cá hộp là dầu nành tăng gần 50% gây ra nhiều khó khăn trong công tác bán hàng XK lẫn ND.

4.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Theo đánh giá của Ban Điều hành, năm 2021 sẽ là năm sẽ đối diện nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đặc biệt là Chi nhánh Ba Tri. Với tình hình thực tế như vậy, Ban Điều hành đề nghị các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 như sau:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	
			Giá trị	So sánh KH/2020 (%)
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	334,3	345,2	103
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	10,4	11	106
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.976,3	2.173,9	110
3. Sản lượng gia công	Tấn	3.070,4	3.223,9	105
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,5	16,5	122
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	37,1	81,2	219
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	1,1	3,5	318
2. Doanh thu	Tỷ đồng	37,1	81,2	219
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	602,7	620,8	103
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-3,27	1,5	
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	13,3	16	120
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,41	2	142
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	384,7	442,4	115
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	11,5	14,5	126
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.579	2.794,7	108
3. Sản lượng gia công	Tấn	3.070,4	3.223,9	105
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,64	20	172

Tổng lợi nhuận trước thuế toàn Công ty năm 2021: 20 tỷ đồng

4.3 Các kiến nghị và giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, triển khai các chương trình cải tiến nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí;
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại;
- Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thông qua các chương trình công cụ bán hàng để gia tăng thị phần, tăng tỷ trọng doanh thu nội địa trong tổng doanh thu toàn Công ty, đặc biệt là việc hợp tác với Cholimexfood và mở rộng thị trường Nội địa tại phía Bắc;
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất, thay thế dần lao động thủ công;
- Xây dựng kế hoạch thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng kịp thời nâng cao sản lượng sản xuất của Công ty;
- Bổ sung nhân sự và xây dựng các chương trình mục tiêu bán hàng cho bộ phận Kinh Doanh xuất khẩu nhằm đa dạng nguồn khách hàng, thị trường mở ra nhiều cơ hội bán hàng;
- Tập trung giải quyết dứt điểm sản lượng Bạch tuộc tồn kho do làm không phù hợp qui cách từ 2019 với giá trị tương đương 4 tỷ đồng để giảm thiệt hại cho Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) – (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...):

Về tiêu thụ nước và năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng sử dụng tiết kiệm.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty hỗ trợ trao quà cho các hộ khó khăn tại địa phương vào dịp Tết nguyên đán. Đồng thời cũng đóng góp vào các công tác văn hóa, xã hội khác cho địa phương khi có phát động phong trào.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch, đối diện với sự cạnh tranh gay gắt với các đối thủ trên thị trường xuất khẩu và trong nước;
- Máy móc thiết bị cũ công suất thấp chi phí sửa chữa vận hành cao, khó tuyển dụng công nhân trực tiếp sản xuất;
- Nguồn nguyên liệu thủy hải sản ngày càng khan hiếm dẫn đến giá thành tăng làm tỷ suất lợi nhuận giảm; trong năm do tình hình Covid-19 tại Mỹ diễn biến phức tạp khiến 4



khách hàng Ghẹ lon cao cấp ngưng hẳn việc mua hàng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc SXKD của mặt hàng Ghẹ lon XK gây sụt giảm lợi nhuận so với các năm trước;

- Tình hình tài chính của Công ty vẫn chưa có giải pháp, vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng tiếp tục xuống cấp hư hỏng, thường xuyên sửa chữa duy trì. Cơ quan chức năng giảm sản lượng khai thác nguồn nước cấp, kiểm tra chặt xử lý nước thải, khói thải... đã gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó việc hạn chế tải trọng đường dẫn vào công ty làm hạn chế lưu thông hàng hóa ra vào Công ty;
- Lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, đa số công nhân mới tuyển dụng có tay nghề thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các giải pháp thu hút lao động, cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí và tăng sản lượng;
- Bộ máy tổ chức Công ty ổn định, lực lượng lao động gián tiếp được tổ chức tinh gọn, tập thể CBCNV đoàn kết cùng hướng đến mục tiêu SXKD của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- HĐQT đã thường xuyên bám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:
 - ✓ Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, nhân sự cấp cao, mức lương Ban Tổng Giám đốc và các vị trí khác thuộc thẩm quyền;
 - ✓ Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo tình hình quản trị Công ty, Báo cáo thường niên và công bố thông tin theo đúng quy định;
 - ✓ Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	345,2	11	2.173,9	3.223,9
2	Chi nhánh Ba Tri	81,2	3,5	620,8	
3	Chi nhánh Hà Nội	16			
Tổng cộng		442,4	14,5	2.794,7	3.223,9

Tổng lợi nhuận trước thuế toàn Công ty năm 2021: 20 tỷ đồng

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	TV điều hành	TV độc lập	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Huỳnh An Trung	Chủ tịch			0	0	
2	Trần Phước Thái	Thành viên			1.944.000	18,00	Đại diện vốn TCty TS VN
3	Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên			278.890	2,58	Cổ đông cá nhân
4	Diệp Nam Hải	Thành viên			0	0	Tham gia TV HĐQT kể từ ngày 12/6/2020
5	Đặng Thành Trung	Thành viên	X		0	0	Tham gia TV HĐQT kể từ ngày 12/6/2020
6	Lê Công Đức	Thành viên	X		0	0	Miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 12/6/2020
7	Cao Thanh Định	Thành viên			0	0	Miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 12/6/2020

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã triển khai 14 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 06 cuộc họp trực tiếp và 08 cuộc họp gián tiếp để lấy ý kiến, tập trung chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ kịp thời công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Huỳnh An Trung	Chủ tịch HĐQT	14/14	100,00	
2	Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	14/14	100,00	
3	Trần Phước Thái	Thành viên	14/14	100,00	
4	Diệp Nam Hải	Thành viên	6/6	100,00	Tham gia TV HĐQT kể từ ngày 12/6/2020
5	Đặng Thành Trung	Thành viên	6/6	100,00	Tham gia TV HĐQT kể từ ngày 12/6/2020
6	Lê Công Đức	Thành viên	8/8	100,00	Miễn nhiệm TV HĐQT kể từ ngày 12/6/2020
7	Cao Thanh Định	Thành viên	5/8	62,50	Miễn nhiệm TV HĐQT kể từ ngày 12/6/2020

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	10/20/NQ/TĐS/HĐQT	13/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng Giám đốc Công ty. - Thống nhất Tờ trình số 75/19/TTr/TĐS/HĐQT ngày 26/12/2019 của Chủ tịch HĐQT về điều chỉnh mức lương công việc của Cán bộ quản lý CTCP Thủy Đặc Sản. - Thống nhất Tờ trình số 76/19/TTr/TĐS/HĐQT ngày 26/12/2019 của Chủ tịch HĐQT về điều chỉnh mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020, trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định. - Thống nhất Danh sách và mức chi Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty dựa trên phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo tỷ lệ trích đã được ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã thông qua. - Thống nhất những nội dung chính trong thương thảo Biên bản ghi nhớ giữa CTCP Thủy Đặc Sản và KCN Vĩnh Lộc 2. - Thống nhất chọn Công ty Công Ty TNHH Thẩm Định Giá Và Đại Lý Thuế Việt Nam VTA để tư vấn thẩm định giá đất và tài sản trên đất tại Nhà máy Bình Chánh. 	5/5
2	16/20/NQ/TĐS/HĐQT	21/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản, dự kiến như sau: Thời gian: 08 giờ 30 phút – Ngày 23/4/2020 (Thứ Năm) Thời gian chốt danh sách cổ đông: Ngày 01/4/2020 - Ngoài các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định, thống nhất trình đại hội các nội dung sau: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 Chia cổ tức năm 2019 là 5%/vốn điều lệ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Chủ trương di dời Nhà máy, đầu tư nhà máy mới. Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT thực hiện và ký hoàn tất các hồ sơ thủ tục có liên quan để triệu tập tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của 	5/5

			<p>Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao Ban Điều hành xây dựng lại Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, sau khi HĐQT làm việc với Phòng Kinh doanh XNK và Phòng Kinh doanh ND. - Giao Tổng Giám đốc Công ty lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng phương án đầu tư, di dời Nhà máy. - Thống nhất chấm dứt HĐLĐ đối với bà Đặng Thị Ngọc Bích – Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản vào ngày 01/3/2020. - Thống nhất bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đối với ông Trương Minh Thông kể từ ngày 01/3/2020. 	
3	17/20/NQ/TĐS/HĐQT	21/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất với đề xuất của Tổng Giám đốc về phương thức thanh toán đối với một số khách hàng Ghẹ như sau: Khách hàng Beaver Street: thanh toán LC 70% trả ngay, 30% sau khi kiểm FDA. Khách hàng Cebu Pacific LLC: thanh toán TTR 70% trước nhận hàng, 30% sau khi kiểm FDA. Khách hàng Blue Star: thanh toán TTR 70% trước nhận hàng, 30% sau khi kiểm FDA. Khách hàng E.Frank Hopkins: thanh toán TTR 60% trước nhận hàng, 40% sau khi kiểm FDA. Tổng mức công nợ trả chậm của từng Khách hàng nêu trên tại từng thời điểm không vượt quá 200.000 USD (hai trăm ngàn đô la mỹ) TGD với tinh thần trách nhiệm cẩn trọng, tùy theo tình hình thực tế quyết định phương thức thanh toán và công nợ của từng khách hàng, nhằm đạt hiệu quả và hạn chế tối đa rủi ro cho Công ty. 	5/5
4	19/20/QĐ/TĐS/HĐQT	25/02/2020	<p>QĐ chấm dứt HĐLĐ bà Đặng Thị Ngọc Bích – Kế toán trưởng Cty kể từ ngày 01/3/2020.</p>	5/5
5	19/20/QĐ/TĐS/HĐQT	25/02/2020	<p>QĐ bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đ/v ông Trương Minh Thông kể từ ngày 01/3/2020.</p>	5/5
6	29/20/NQ/TĐS/HĐQT	27/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc CTCP Thủy Đặc Sản, miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh CTCP Thủy Đặc Sản – Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri, Tỉnh Bến Tre - đối với ông Lê Công Đức kể từ ngày 01/4/2020 theo nguyện vọng cá nhân. 	-

3025
 CÔNG
 CỔ P
 HUY Đ
 HỮU T

			<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Đặng Thành Trung (CCCD số: 080079000481) – Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Thủy Đặc Sản giữ chức danh Tổng Giám đốc CTCP Thủy Đặc Sản, đồng thời kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh CTCP Thủy Đặc Sản – Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri, Tỉnh Bến Tre kể từ ngày 01/4/2020. - Ông Lê Công Đức có trách nhiệm bàn giao toàn bộ công việc và hồ sơ đang thực hiện cho ông Đặng Thành Trung, thời gian hoàn tất thủ tục bàn giao chậm nhất đến hết ngày 01/4/2020. - HĐQT tiếp nhận Đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT của ông Lê Công Đức, trình ĐHCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT theo đúng quy định. - HĐQT tiếp nhận Đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT của ông Cao Thanh Định, trình ĐHCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT theo đúng quy định. - Thống nhất chủ trương bầu bổ sung 02 (hai) Thành viên HĐQT CTCP Thủy Đặc Sản nhiệm kỳ 2018 – 2023, trình ĐHCĐ thông qua theo đúng quy định. 	
7	31/20/QĐ/TĐS/HĐQT	27/3/2020	QĐ miễn nhiệm chức danh TGD CTCP Thủy Đặc Sản/ Miễn nhiệm chức danh kiêm nhiệm GD CN CTCP Thủy Đặc Sản – XNTS Ba Tri đ/v ông Lê Công Đức kể từ ngày 01/4/2020.	5/5
8	32/20/QĐ/TĐS/HĐQT	27/3/2020	QĐ bổ nhiệm chức danh TGD CTCP Thủy Đặc Sản đ/v ông Đặng Thành Trung kể từ ngày 01/4/2020.	5/5
9	44/20/NQ/TĐS/HĐQT	29/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản. - Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa dự kiến điều hành Đại hội. 	5/5
10	50/20/NQ/TĐS/HĐQT	08/5/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển đường biển quốc tế/nội địa kết hợp đường bộ, vận chuyển phân phối, kho bãi giữa CTCP Thủy Đặc Sản và CTCP Transimex. - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng nguyên tắc giữa CTCP Thủy Đặc Sản và CTCP Transimex. 	4/5
11	71/20/NQ/TĐS/HĐQT	28/5/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung Tài liệu họp dự thảo chuẩn bị cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Thống nhất việc tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cao cấp đảm nhận vị trí Phó 	4/5 5/5

8530
3 TY
HÂN
C SẢ
HỒ C

			<p>Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đối với ông Nguyễn Minh Thi kể từ ngày 01/6/2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Chi nhánh CTCP Thủy Đặc Sản – XN Thủy sản Ba Tri đối với ông Nguyễn Minh Trung kể từ ngày 01/6/2020 theo nguyện vọng cá nhân. - Thống nhất việc Phó Giám đốc Chi nhánh CTCP Thủy Đặc Sản – XN Thủy sản Ba Tri – ông Lê Tuấn Kiệt sẽ kiêm nhiệm chức danh Kế toán trưởng Chi nhánh CTCP Thủy Đặc Sản – XN Thủy sản Ba Tri kể từ ngày 01/6/2020. 	<p>5/5</p> <p>5/5</p>
12	72/20/QĐ/TĐS/HĐQT	28/5/2020	QĐ tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh Phó TGD Cty đ/v ông Nguyễn Minh Thi kể từ ngày 01/6/2020	5/5
13	79/20/NQ/TĐS/HĐQT	11/6/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phương án Sơ đồ bộ máy tổ chức và Chức năng – Nhiệm vụ của Ban Giám đốc theo cơ cấu tổ chức mới của CTCP Thủy Đặc Sản. - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện việc sắp xếp, tái cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty theo mô hình đã được phê duyệt, thời gian hoàn thành việc tái cơ cấu bộ máy tổ chức chậm nhất vào ngày 30/6/2020. - Thống nhất việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh Giám đốc Nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) đối với ông Đào Đức Duy kể từ ngày 15/6/2020. - Bổ nhiệm ông Phạm Thế Duy – Phó Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu giữ chức danh Giám đốc Kinh doanh XNK kể từ ngày 15/6/2020. - Thống nhất việc điều chỉnh chức danh và mức lương của cấp quản lý kể từ kỳ tính lương tháng 6/2020. 	5/5
14	108/20/NQ/TĐS/HĐQT	04/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung Hợp đồng nguyên tắc cho thuê lại Quyền sử dụng đất tại KCN Vĩnh Lộc 2 do Ông Huỳnh An Trung – Chủ tịch HĐQT – CTCP Thủy Đặc Sản ký với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vĩnh Lộc Bến Lức (VL 2). - Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo thuê đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng Nhà máy tại KCN Vĩnh Lộc 2 để di dời theo chủ trương Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua bao gồm: Quy mô Nhà máy, hiệu quả đầu tư, phương án tài chính, tổng mức đầu tư, phương án sử dụng đất và tài sản trên đất Nhà máy hiện hữu tại đường Hoàng Phan Thái huyện Bình Chánh trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi chính thức ký 	4/5

			Hợp đồng thuê đất trong thời gian sớm nhất nhưng không chậm hơn ngày 15/12/2020.	
15	118/20/NQ/TĐS/HĐQT	16/10/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2020, giao Ban Điều hành phấn đấu đạt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2020 ở mức cao nhất. - Thống nhất ủy quyền Chủ tịch HĐQT chọn thời gian chốt danh sách cổ đông, triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để trình xem xét thông qua dự án di dời, xây dựng nhà máy mới tại KCN Vĩnh Lộc 2. 	5/5
16	124/20/NQ/TĐS/HĐQT	11/11/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản. - Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT thực hiện và ký hoàn tất các hồ sơ thủ tục có liên quan để triệu tập tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản. - Giao cho Ban TGD Công ty triển khai thực hiện, tập hợp các nội dung liên quan đến Tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 và trình Hội đồng quản trị thông qua trước ngày gửi thư mời họp đến toàn thể cổ đông Công ty. 	5/5
17	135/20/NQ/TĐS/HĐQT	11/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues) làm đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản. - Thông qua nội dung Tài liệu họp dự thảo chuẩn bị cho việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. - Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa dự kiến điều hành Đại hội. 	5/5 4/5 5/5

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Phạm Văn Tranh	Trưởng BKS	0	0	
2	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS	0	0	
3	Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	0	0	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2020 theo đúng pháp luật của nhà nước.
- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues).
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2020 là 132.000.000 đồng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2020, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 528.000.000 đồng (*năm trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn*) đúng theo nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2020:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	6.000.000	72.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	6.000.000	288.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	5.000.000	60.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	3.000.000	72.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	3.000.000	36.000.000
Tổng cộng					528.000.000

Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS, thư ký HĐQT năm 2020 là: **528.000.000 đồng (1)**

Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Cty năm 2020:

Năm 2020, Ban điều hành Công ty bao gồm 03 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);
- 02 (hai) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (01 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);
- Năm 2020, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 1.174.355.425 đồng (*một tỷ*

một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

- Tổng mức lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2020 là: **2.658.943.213 đồng** (hai tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm mười ba đồng chẵn) (2)

Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT; lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2020 là:

(1) + (2) = 3.186.943.213 đồng (ba tỷ một trăm tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm mười ba đồng chẵn).

- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ban điều hành, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CTCP Đầu tư Vina	Công ty có liên quan	1.717.100	15,9	2.238.720	20,73	Tăng tỷ lệ nắm giữ

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

VI. Báo cáo tài chính:

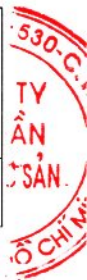
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (tổng hợp) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp).

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh VII.9 “Thông tin khác”. Theo công văn số 9588/STC-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành Phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.379 m² tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 xin vui lòng xem tại trang web: www.seaspimex.com.vn (Trang Thông tin cổ đông → Báo cáo tài chính năm 2020).

Nơi nhận:

- UB CKNN, SGD CKHN;
- TV HĐQT, Trưởng BKS;
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



HUỲNH AN TRUNG

